TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/DS-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Văn Thái** và ông **Võ Thanh Đức**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2026/TLST-DS ngày 20/01/2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026, của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: A L, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Phương N**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số F N, khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại theo uỷ quyền ông Nguyễn Phương N trình bày:

Vào năm 2021 cho đến năm 2022 thì bà T và ông T1 có làm ăn với nhau, có mượn tiền qua lại để làm ăn. Vào ngày 29/6/2022 thì các bên có tổng kết lại ông T1 có thiếu nợ bà T số tiền 278 triệu đồng, các bên thoả thuận chậm nhất ngày 30/7/2022 thì ông T1 sẽ thanh toán số nợ gốc. Khi lập giấy tay thì các bên không thoả thuận về lãi suất. Tuy nhiên, đến hạn bà T đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông T1 không thanh toán được tiền gốc. Nguồn gốc số tiền cho vay là tài sản cá nhân của bà T.

Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền nợ vay là 278.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/8/2022 cho đến khi giải quyết vụ án với lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1: Ông thừa nhận sự việc vay số tiền 278 triệu đồng như nguyên đơn trình bày. Vào năm 2021 cho đến năm 2022 thì ông và bà T có mượn tiền qua lại để làm ăn. Vào ngày 29/6/2022 thì các bên tổng kết lại ông có nợ bà T số tiền 278 triệu đồng, các bên thoả thuận chậm nhất ngày 30/7/2022 thì ông sẽ thanh toán số nợ gốc này. Khi lập giấy tay thì các bên không thoả thuận về lãi suất. Tuy nhiên, do làm ăn khó khăn nên ông chưa thanh toán được tiền gốc cho bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông chỉ đồng ý thanh toán số tiền 278 triệu đồng cho bà T, đối với số tiền lãi thì ông không đồng ý trả. Hiện tại ông cũng không có điều kiện thanh toán khoản nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho bà bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền số tiền nợ vay là 278.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán đối tính từ ngày 01/8/2022 cho đến khi giải quyết vụ án với lãi suất 10%/năm. Ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có địa chỉ xã T, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, TAND khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, có mặt các đương sự. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản nợ gốc:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Toà án Giấy mượn nợ ngày 29/6/2022. Nội dung giấy tay thể hiện: *"Ông Nguyễn Ngọc T1 xác nhận vay bà T số tiền 278.000.000 đồng"*.

Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông T1 cũng thừa nhận sự việc như nguyên đơn trình bày, ông có vay của bà T 278 triệu đồng và chưa thanh toán. Chỉ là hiện tại ông không có khả năng thanh toán nên không đồng ý với yêu cầu thanh toán của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để khẳng định: Ông Nguyễn Ngọc T1 có nợ của bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền 278.000.000 đồng. Đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông T1 chưa thanh toán nên việc bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 trả khoản nợ đã vay 278.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/8/2022 cho đến khi giải quyết vụ án với lãi suất 10%/năm.

Xét thấy, theo nội dung giấy tay các bên ký kết ngày 29/6/2022 thể hiện: "*các bên thoả thuận chậm nhất ngày 30/7/2022 thì sẽ thanh toán số nợ gốc*". Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2022 cho đến khi giải quyết vụ án với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 278 triệu đồng là phù hợp thực tế, đúng quy định của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 01/8/2022 đến ngày 30/3/2026 là: 278.000.000 đồng x 10%/12tháng x 1337 ngày = 101.831.000 đồng. (Đã làm tròn)

[2.3] Như vậy, tổng số tiền vay nợ gốc và lãi phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 278.000.000 đồng + 101.831.000 = 379.831.000 đồng.

[2.4] Về trách nhiệm trả nợ:

Theo giấy tay vay tiền được lập giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Nguyễn Ngọc T1 thì có ông T1 ký xác nhận vay, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông T1 có trách nhiệm trả nợ. Do đó, khoản tiền nợ gốc và lãi được xác định nêu trên, cá nhân ông Nguyễn Ngọc T1 có trách nhiệm trả nợ là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 128, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 470, 357 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T:

Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền **379.831.000** đồng, trong đó gồm 278.000.000 đồng nợ gốc và 101.831.000 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mộng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền 9.142.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001150 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu **18.991.500** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 – tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Thịnh